TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-PT
Ngày: 10/01/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Ân
Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại
Ông Ngô Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà .

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 492/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6230/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1963 (Có mặt).
Địa chỉ: 180 đường V, phường V1, quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T', sinh năm 1955.
Địa chỉ: 64/2/3 đường C, Phường C1, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trần C, sinh năm 1986, địa chỉ: 15A đường K, phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 12/12/2017) (Có mặt).

3-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bành Thùy N, sinh năm 1960.
Địa chỉ: 17/29 đường C, Phường C1, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trần C, sinh năm 1986, địa chỉ: địa chỉ: 15A đường K, phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 12/12/2017) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông T’ và bà N là ông Nguyễn Việt V – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư VV, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bà Phạm Ngọc Kim C, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: 59/54 đường 9, phường L, quận L1, Thành phố Hồ chí Minh.

- Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 57 đường số 3, phường B, thị xã B1, tỉnh Bình Dương.

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Bích T là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T’ là bị đơn và bà Bành Thùy N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, trình bày của đương sự tại cấp phúc thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày: Do mối quan hệ quen biết qua bà Phạm Ngọc Kim C giới thiệu nên năm 2011 bà cho ông T’ mượn tiền 5 lần thể hiện qua các giấy nợ cụ thể: Ngày 20/7/2011 mượn 150.000.000 đồng, thời hạn là 02 tháng, ngày 15/8/2011 mượn 100.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, ngày 20/9/2011 mượn 100.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, ngày 19/10/2011 mượn 110.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, ngày 16/12/2011 phiếu thu tiền đóng lãi cho ông T’ vào Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) số tiền là 112.999.999 đồng, đến ngày 27/2/2012 ông T’ xác nhận nợ bà tổng cộng số tiền gốc 572.000.000 đồng, không T’hỏa thuận lãi, không ghi thời hạn trả nợ.

Đến ngày 07/5/2013 ông T’ viết giấy trả bà số tiền 300.000.000 đồng nhưng không có tiền trả, đến ngày 11/5/2013 bà Bành Thùy Nga mang trả bà số tiền 200.000.000 đồng và có ghi dòng chữ với nội dung: số tiền ký trả 300 triệu nhưng số tiền thực tế trả là 200 triệu”. Do vậy, ông T’ còn thiếu bà số tiền 372.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần bà yêu cầu ông T’ trả tiền nhưng ông T’ không T’thực hiện, đến ngày 08/11/2015 bà gửi thông báo qua đường bưu điện cho ông T’ đề nghị thanh toán tiền nhưng ông T’ cũng không trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình ông Nguyễn Văn T’ phải trả cho bà số tiền 372.000.000 đồng, trả một lần trong thời hạn một tháng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T’ trình bày: Ông không biết bà T là ai và không vay mượn tiền của bà T. Do năm 2011 ông có vay Ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Thủ Đức số tiền 6 tỷ đồng và có thế chấp căn nhà số 44 đường C, Phường C1, quận C2, do lãi suất cao nên ông không có khả năng thanh toán và bà Phạm Ngọc Kim C thời gian đó là Phó giám đốc chi nhánh, ông Nguyễn Huy H là nhân viên Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Thủ Đức có đề xuất ông mượn nợ ở ngoài để thanh toán, ông đồng ý tuy nhiên các giấy mượn nợ là do bà C đưa ông ký khống. Việc vay mượn với ngân hàng Á Châu, ông đã bán nhà trả nợ cho ngân hàng nên những giấy nợ bà T xuất trình ở Tòa không còn

giá trị. Về giấy nợ ngày 27/02/2012, bà T xuất trình tại Tòa án ông xác nhận là chữ viết của ông, còn chữ ký không phải của của ông nhưng ông không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký trên văn bản này. Về ngày tháng ghi trên giấy nợ ngày 27/02/2012, thực chất là ngày 27/02/2012 nhưng do ông ghi nhầm thành 27/02/1012. Năm 2015, ông đã bán nhà trả nợ cho Ngân hàng và bà Chi cũng xác nhận với ông không còn nợ khoản nào nên với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông không đồng ý vì ông không vay mượn bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bành Thùy N trình bày: Bà không biết bà T là ai. Ông T' với bà là bạn bè, đối tác làm ăn, giữa hai bên không có quan hệ hôn nhân với nhau. Năm 2011, bà và ông T' cùng đứng tên sở hữu căn nhà số 44 đường C, Phường C1, quận C2 và thế chấp căn nhà này cho Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Thủ Đức để vay số tiền 6.000.000.000 đồng. Do không có tiền đóng lãi hàng tháng, bà Phạm Ngọc Kim C là Phó giám đốc chi nhánh và nhân viên ngân hàng Á Châu là ông Nguyễn Huy H có đề xuất bà và ông T' vay bên ngoài để trả tiền lãi, mỗi lần trả lãi sẽ viết giấy mượn Tơng đương số tiền lãi phải trả. Về giấy nợ ngày 11/5/2013, bà ghi: "ngày 11 tháng 5 năm 2013, số tiền ký trả 300.000.000 đồng, nhưng số tiền thực tế trả là 200.000.000 đồng" là do bà làm việc với bà C, ông Hiếu tại ngân hàng Á Châu chứ không làm việc với bà T và bà cũng không biết số tiền này thanh toán cho khoản nào. Bà xác nhận bà không vay mượn bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Ngọc Kim C trình bày: khoảng năm 2011 bà là Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Thủ Đức, bà xác nhận năm 2011 ông T', bà N có vay mượn tiền tại ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thủ Đức số tiền 6 tỷ đồng. Do đến hạn trả tiền lãi cho ngân hàng ông T' không có tiền trả và nhờ bà giới thiệu chỗ vay mượn nên nên bà có giới thiệu cho ông T' vay tiền bà T để trả tiền lãi cho ngân hàng, giữa bà T, ông T' tự giao dịch vay mượn với nhau, số tiền cụ thể bao nhiêu bà không biết và bà không liên quan. Phía ông T', bà N cho rằng ông T' có viết giấy nợ ký khống đưa cho bà là hoàn toàn không đúng sự thật. Việc vay mượn giữa bà T và ông T', bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy H trình bày: Thời điểm tháng 10 năm 2011, ông là nhân viên của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thủ Đức. Khoảng năm 2011, 2012, ông T' và bà N có vay vốn tại Ngân hàng. Trong quá trình vay mượn, ông T' và bà N có khó khăn về tiền bạc và có nhờ bà C và ông giới thiệu người quen là bà Phạm Thị Bích T để vay tiền trả lãi cho ngân hàng. Việc vay mượn giữa ông T' và bà T tự giao dịch với nhau. Ông cũng đã nhiều lần trao đổi với ông T', bà N về việc trả nợ cho bà T và ông T' cũng xác nhận sẽ trả nợ cho bà T khi nào có tiền. Tuy nhiên sau đó ông T' không thực hiện. Ông không liên quan gì đến việc vay mượn giữa bà T và ông T', ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn T’ phải trả cho bà Phạm Thị Bích T số tiền 272.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu đồng) trong thời hạn một tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T’ chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì ông T’ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Bích T yêu cầu ông Nguyễn Văn T’ trả số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T’ phải nộp số tiền 13.600.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị Bích T phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm ngàn đồng) do bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2014/0005280 ngày 18/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T được nhận lại số tiền 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm ngàn đồng).

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 05/10/2017 bà Bành Thúy N, ông Nguyễn Văn T’ nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu bà T, hủy án sơ thẩm; Ngày 09/10/2017, bà Phạm Thị Bích T có đơn kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà 372.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu của mình.

Đại diện theo ủy quyền của ông T’ cho rằng ông T’ đã trả cho bà T số tiền 550.000.000 đồng trên tổng số nợ 572.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà T 22.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa khẳng định Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của hai bên; ý kiến của luật sư và kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Bích T, bà Bành Thùy N và ông Nguyễn Văn T’ trong thời hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T’ và bà Bành Thùy N cho rằng bản án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình buộc ông Nguyễn Văn T’ trả 272.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Bích T là không có cơ sở, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Việc ông Nguyễn Văn T’ vay tiền của bà Phạm Thị Bích T là có thật. Điều này được thể hiện qua các “Giấy nợ” ngày 20/7/2011, ngày 15/8/2011, ngày 20/9/2011, ngày 19/10/2011 và phiếu thu tiền ngày 16/12/2011 và được tổng kết bằng Giấy nợ ngày 27/02/1012 (Về ngày tháng ghi trên giấy nợ ngày 27/02/1012, nay nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận là ngày 29/02/2012) với số tiền 572.000.000 đồng. Đại diện của ông Nguyễn Văn T’ thừa nhận những giấy nợ bà T xuất trình tại Tòa là chữ viết của ông T’.

Việc đại diện của ông T’ cho rằng các chứng cứ bà Phạm Thị Bích T xuất trình là do ông T’ viết khống cho bà C, ông H là nhân viên của Chi nhánh ngân hàng Á Châu – chi nhánh Thủ Đức do năm 2011 ông T’, bà N có vay mượn số tiền 6 tỷ ở Ngân hàng Á Châu và hàng tháng khi đóng lãi, phía bà C, ông H yêu cầu ông ghi giấy nợ tên bà T cho khớp với số tiền lãi hàng tháng trả cho Ngân hàng, năm 2015 ông đã bán nhà và đã trả nợ xong cho Ngân hàng nên ông không còn nợ khoản tiền nào đối với bà C, ông H. Việc bà T xuất trình các giấy nợ cho rằng ông vay mượn bà T là hoàn toàn không có. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ và các giấy nợ nêu trên người đại diện theo ủy quyền xác định là chữ viết của ông T’, việc người đại diện theo ủy quyền cho rằng ông T’ chỉ giao dịch với bà C, ông H, những giấy nợ bà T xuất trình tại tòa là ông T’ viết khống cho bà C, ông H nhưng phía bà C và ông H đều phủ nhận lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Bà C, ông H cho rằng chỉ giới thiệu ông T’ và bà T quen biết nhau, còn vay mượn số tiền bao nhiêu giữa hai bên tự giao dịch với nhau. Tại kết luận giám định số 3608/C09B ngày 12/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an khẳng định chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 29/02/2012 là chữ ký của ông Nguyễn văn T. Ông C đại diện cho ông T’ không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, do vậy có đủ cơ sở xác định ông T’ vay bà T số tiền tổng cộng là 572.000.000 đồng.

Về số tiền đã trả: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T’ cho rằng ông không vay tiền của bà T nên không trả cho bà T tiền. Tuy nhiên, theo bà T trình bày ngày 07/5/2013 ông T’ ghi giấy trả bà số tiền 300.000.000 đồng nhưng thực tế không trả, ngày 11/5/2013 bà N mang trả bà số tiền 200.000.000 đồng nên bà N mới ghi dòng chữ “ngày 11 tháng 5 năm 2013, số tiền ký trả 300.000.000 đồng, nhưng số tiền thực tế trả là 200.000.000 đồng”. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T’ lại cho rằng đã trả 550.000.000 đồng là không có cơ sở vì nợ 572.000.000 đồng nhưng lại trả hai lần là 600.000.000 đồng là không có căn cứ, mà việc bà T khai ông T’ ghi trả 300.000.000 đồng nhưng thực

tế chỉ trả 200.000.000 đồng nên còn nợ 372.000.000 đồng phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Do vậy, thực tế ông T' chỉ trả bà số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ lại 372.000.000 đồng. Phía bà N cho rằng, bà không giao dịch làm ăn với bà T nên không có việc bà trả bà T số tiền 200.000.000 đồng, tờ giấy mà bà T xuất trình tại Tòa là chữ viết và chữ ký của bà, bà viết cho bà C, liên quan đến khoản lãi bà và ông T' vay Ngân hàng Á Châu. Hội đồng xét xử xét thấy văn bản ngày 11/5/2013 bà T xuất trình tại Tòa có nội dung "ngày 11 tháng 5 năm 2013, số tiền ký trả 300.000.000 đồng, nhưng số tiền thực tế trả là 200.000.000 đồng" phù hợp với lời khai của bà T và phù hợp với văn bản mà ông T' viết cho bà T ngày 07/5/2013, như vậy bà T thừa nhận đã nhận 200.000.000 đồng. Cả ông T' và bà N đều không thừa nhận vay tiền của bà T cho nên không thừa nhận việc đã trả tiền cho bà T. Tuy nhiên, việc bà T thừa nhận đã nhận 200.000.000 đồng nên công nhận việc thừa nhận này. Cấp sơ thẩm cho rằng ông T' đã trả 300.000.000 đồng nên chỉ buộc ông T' phải trả cho bà T 272.000.000 đồng là chưa phù hợp hiện thực khách quan của vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Bành Thúy N; Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Bích T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 293; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 471, 477 Bộ luật Dân sự 2005;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông ông Nguyễn Văn T và bà Bành Thùy N;
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Bích T

Sửa bản án sơ thẩm

- Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Bích T.

Buộc ông Nguyễn Văn T' phải trả cho bà T số tiền 372.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi bà Phạm Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án ông Nguyễn Văn T’ còn phải chịu lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định Tơng ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0005280 ngày 18/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn T’ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 18.600.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Bích T không khải chịu án phí được nhận lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006953 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn T’ không khải chịu án phí được nhận lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006948 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bành Thùy N không khải chịu án phí được nhận lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006949 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ân